

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1197/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 19 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Đường tuần tra biên giới tỉnh Tây Ninh (khu vực mốc 143 –
mốc 146) do Ban Quản lý Dự án đường tuần tra biên giới
thuộc Quân khu 7 làm đại diện Chủ đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản 2877/STNMT-PBVM ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Sở Tài
nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác
động môi trường Dự án Đường tuần tra biên giới tỉnh Tây Ninh (khu vực mốc
143 – mốc 146) do Ban Quản lý Dự án đường tuần tra biên giới thuộc Quân khu
7 làm đại diện Chủ đầu tư;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đường tuần
tra biên giới tỉnh Tây Ninh (khu vực mốc 143 – mốc 146) đã được chỉnh sửa, bổ
sung kèm Văn bản số 3246/BQL-CB ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Ban Quản
lý Dự án đường tuần tra biên giới Quân khu 7;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
3393/TTr-STNMT ngày 07 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Đường tuần tra biên giới tỉnh Tây Ninh (khu vực mốc 143 – mốc 146)
(sau đây viết tắt là Dự án) do Ban Quản lý Dự án đường tuần tra biên giới thuộc

Quân khu 7 làm đại diện Chủ đầu tư (sau đây viết tắt là Chủ đầu tư) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. / *lđ*

Nơi nhận: *lđ*

- Chủ đầu tư;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Châu Thành;
- LĐVP-CVK;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

4

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.**



Trần Văn Chiến

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƯỜNG TUẦN
TRA BIÊN GIỚI TỈNH TÂY NINH (KHU VỰC MỐC 143 – MỐC 146) DO
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỜNG TUẦN TRA BIÊN GIỚI THUỘC QUÂN
KHU 7 LÀM ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số.../QĐ-UBND ngày... tháng 6 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Đường tuần tra biên giới tỉnh Tây Ninh (khu vực mốc 143 – mốc 146).
- Địa điểm thực hiện: xã Hòa Thạnh và xã Biên Giới, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.
- Tên chủ dự án: Quân Khu 7 (Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý Dự án đường Tuần tra biên giới Quân khu 7).
- Địa chỉ: 204 Hoàng Văn Thụ, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
- Dự án Đường tuần tra biên giới tỉnh Tây Ninh (khu vực mốc 143 – mốc 146) đã được Bộ Quốc phòng phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 171/QĐ-BQP ngày 13 tháng 01 năm 2024.

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án

Quy mô của Dự án từ Mốc 143 đến Mốc 146 có tổng chiều dài khoảng 3,0 km thuộc địa bàn xã Hoà Thạnh và xã Biên Giới, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đường cải tạo và mở mới theo TCVN 4054:2005, Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn để thiết kế như sau:

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Giá trị
1	Vận tốc thiết kế	40 km/h
2	Số làn xe tối thiểu	2
3	Bề rộng nền đường	8,0 m
4	Bề rộng mặt đường	6,0 m
5	Bề rộng lề đường	2x1,0 m
6	Độ dốc dọc lớn nhất	7 %
7	Bán kính đường cong nằm tối thiểu	60 m
8	Chiều dài tối thiểu đổi dốc	120 m (70)
9	Bán kính đường cong đứng lồi nhỏ nhất	700 m
10	Bán kính đường cong đứng lõm nhỏ nhất	450 m

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Giá trị
11	Tải trọng thiết kế công trình	H30-XB80
12	Tải trọng trực tính toán	100 kN
13	Tải trọng thiết kế cầu	HL93
14	Loại kết cấu mặt đường	Bê tông xi măng M300

Các công trình phòng hộ và an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình:

1.3.1.1. Thiết kế bình đồ: tổng số đường cong nằm: 03 (cái).

TT	Bán kính cong nằm	Đơn vị	Số lượng
1	$125\text{m} < R \leq 250\text{m}$	cái	2
2	$250\text{m} < R \leq 600\text{m}$	cái	1

1.3.1.2. Thiết kế trắc dọc: bảo đảm thoát nước tốt, nước tập trung về các nguồn chảy tự nhiên phù hợp với địa hình. Các đoạn tuyến đi qua vị trí tụ nước, đường đô thiết kế theo cao độ khống chế của điều kiện thủy văn tính toán.

* Kết quả thiết kế:

TT	Độ dốc dọc	Đơn vị	Giá trị
1	0%	m	1906,46
2	$0\% < i < 4\%$	m	921,52
3	$i = 4\%$	m	71,57
4	$4\% < i \leq 7\%$	m	-
Tổng cộng		m	2.899,55

1.3.1.3. Thiết kế mặt cắt ngang

- Chiều rộng nền đường: $B_n = 8,0\text{m}$.
- Chiều rộng mặt đường (bao gồm cả phần lề đường gia cố): $B_m = 6,0\text{m}$.
- Chiều rộng lề đường (lề đất): $B_{lề} = 2 \times 1,0\text{m}$.
- Độ dốc ngang mặt đường: $i_m = 1,5\%$.
- Độ dốc ngang lề đường: $i_{lề} = 4\%$.

1.3.1.4. Thiết kế kết cấu mặt đường

Tuyến chính: kết cấu mặt đường bê tông xi măng M300, dày 24 cm; Lớp giấy dầu; Móng cấp phối đá dăm loại 1 gia cố 5% xi măng, dày 18 cm; Lớp đất lu lèn K98, dày 30 cm.

Đoạn vượt nối vào đường giao dân sinh: kết cấu mặt đường vượt nối đường giao dân sinh là mặt đường láng nhựa, 3 lớp dày 3,5 cm, tiêu chuẩn 4,5Kg/m²; Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1kg/m²; Móng cấp phối đá dăm loại 1, dày 24 cm; Lớp đất đắp K98, dày 30 cm; Dọc tuyến có 3 giao nhau với đường đất dân sinh; Vượt nối với đường dân sinh tạo thành ngã tư với bán kính vượt nối mép mặt đường R=10m; Dốc dọc đoạn vượt nối đường dân sinh lên tuyến chính đảm bảo $i_d \leq 10\%$.

Nút giao: Trên tuyến có 2 vị trí nút giao, kết nối với đường giao thông hiện hữu ở đầu và cuối tuyến; Nút giao được thiết kế dạng giao bằng giản đơn cùng mức, vượt nối bán kính cong R = 12-15m tại mép mặt đường đảm bảo tầm nhìn, tạo độ êm thuận khi chạy xe; Kết cấu mặt đường vượt nối nút giao như kết cấu mặt đường tuyến chính.

1.3.1.5. Công trình phòng hộ và an toàn giao thông

Biển báo, cọc tiêu, cọc H, cột Km được bố trí theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Việt Nam về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT. Cọc tiêu, cọc H bằng bê tông cốt thép mác 200, móng cọc tiêu đổ bê tông xi măng mác 150, đá 2x4. Biển báo bằng thép sơn phản quang, móng chân cột biển báo đổ bê tông xi măng mác 150, đá 2x4. Cột Km bằng bê tông cốt thép mác 200, đá 2x4. Tôn lượn sóng được bố trí 2 bên đường đầu cầu (cầu Nàng Dinh và cầu Sóc So), mỗi đoạn tôn lượn sóng dài 20m. Vạch sơn tim đường tuân thủ theo QCVN 41:2019/BGTVT.

1.3.1.6. Hệ thống thoát nước

- Rãnh dọc hình chữ nhật bê tông cốt thép: Rãnh được bố trí 2 bên đoạn đầu tuyến qua khu dân cư và dẫn chảy ra rạch Nàng Dinh. Rãnh bằng bê tông cốt thép M250 có nắp đan. Kích thước BxH=0.4x0.5m, móng bằng đá dăm đệm dày 10cm. Chiều dài rãnh: 205m, Hồ ga rãnh: 5 cái.

- Đào nắn chỉnh mương tưới tiêu: Một số đoạn mương tưới tiêu giao cắt chéo với nền đường được nắn chỉnh giao vuông góc tuyến để đảm bảo thoát nước được thuận lợi và không làm tăng chiều dài cống thoát nước. Mương nắn chỉnh là mương đất, chiều rộng đáy bằng hoặc lớn hơn đáy mương hiện hữu, sao cho bố trí được cống ngang có khẩu độ tương ứng. Chiều dài mương nắn chỉnh: 3 đoạn, tổng chiều dài 159.7m

- Cống tròn bê tông cốt thép: Móng, thân cống, tường cánh bằng bê tông M200; Ống cống tròn ĐK=150cm bằng bê tông cốt thép, mác 300, đá 0.5x1.5; Gối cống bằng bê tông cốt thép M150, đá 2x4. Gối cống đặt trên lớp đá dăm đệm, dày 10cm.

- Công hộp bê tông cốt thép: Thân công bằng bê tông cốt thép M300, đá 1x2; Tường cánh, sân công, bản dẫn bằng bê tông cốt thép M250, đá 1x2; Lót móng bằng bê tông xi măng M150, đá 4x6.

Bảng thống kê công thoát nước ngang trên tuyến

Stt	Lý trình	Loại công	Hướng chảy
1	Cọc 26 km0+379.69	Công tròn D1500	Trái – Phải
2	Cọc 81 Km1+122.17	Công hộp 2(2.5x2.5)	Phải - Trái
3	Cọc 116 Km1+360.00	Công tròn D1500	Phải - Trái
4	Cọc 127 Km1+529.60	Công hộp (3x2.5)m	Trái – Phải
5	Cọc 142 Km1+740.50	Công hộp (3x2.5)m	Phải - Trái
6	Cọc 168 Km2+149.21	Công tròn 2D1500	Trái – Phải
7	Cọc 178 Km2+210.39	Công hộp (3x2.5)m	Trái – Phải
8	Cọc 216 Km2+838.30	Công hộp (2.5x2.5)m	Trái – Phải

1.3.1.7. Công trình đảm bảo dòng chảy, thoát nước mặt

Dự án bao gồm 02 cầu đi qua rạch Nàng Dinh và kênh Sóc So:

* Cầu Nàng Dinh tại Km0+154.40, bắc qua rạch Nàng Dinh. Cầu được xây mới vĩnh cửu bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép DƯL. Thông số kỹ thuật chủ yếu

- Hoạt tải xe ô tô thiết kế cầu: HL93
- Độ dốc dọc tối đa trên cầu: $i = 0\%$
- Các thông số về thủy văn:
 - + Cầu có thông thuyền, khổ thông thuyền: BxH=13x2.5m
 - + Mực nước thiết kế: H1%=3.67m
 - + Mực nước thông thuyền: H5% giờ=2.68m

* Cầu Sóc So tại Km0+980.59, bắc qua kênh Sóc So. Cầu được xây mới vĩnh cửu bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép DƯL. Thông số kỹ thuật chủ yếu

- Hoạt tải xe ô tô thiết kế cầu: HL93
- Độ dốc dọc tối đa trên cầu: $i = 0\%$
- Các thông số về thủy văn:
 - + Cầu có thông thuyền, khổ thông thuyền: BxH=13x2.5m
 - + Mực nước thiết kế: H1%=3.27m
 - + Mực nước thông thuyền: H5% giờ=2.61m

1.3.1. Các hoạt động của Dự án:

- Hoạt động thi công dọn mặt bằng.
- Hoạt động thi công các hạng mục của Dự án.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động vận chuyển đất, đá đến các vị trí đổ đất, đá các loại.
- Hoạt động vận hành tuyến đường.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất: diện tích đất trồng cây hàng năm khác và đất lúa nước còn lại dự kiến thu hồi 1.039,2 m², diện tích đất chuyên trồng lúa nước dự kiến thu hồi 13.466,8 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Hoạt động dọn dẹp, giải phóng mặt bằng phục vụ thi công và hoạt động vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu thi công.
- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường.
- Hoạt động bảo trì, duy tu sửa chữa nhỏ trên tuyến phát sinh chất thải rắn và chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải:

3.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của công nhân bao gồm: ăn uống, vệ sinh... với lưu lượng tổng cộng khoảng 2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ như BOD₅, chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, Photpho, Coliform,...

- Nước thải xây dựng: phát sinh từ hoạt động trộn bê tông, vệ sinh máy móc, thiết bị... với lưu lượng phát sinh không đáng kể. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ như BOD₅, COD, tổng dầu mỡ,...

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành:

Không phát sinh nước thải.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất khí thải:

3.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình đào, đắp đất; quá trình xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị thi công; quá trình đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công, hoạt động giao thông trên tuyến đường hiện hữu...

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành:

Không phát sinh khí thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô và tính chất của chất thải rắn sinh hoạt:

3.2.1.1. Giai đoạn xây dựng:

Phát sinh từ hoạt động của công nhân làm việc tại công trường với khối lượng khoảng 10 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, kim loại,...

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành:

Không phát sinh chất thải sinh hoạt.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô và tính chất của chất thải rắn thông thường:

3.2.2.1. Giai đoạn xây dựng:

- Chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật với khối lượng khoảng 0,6 -1,5 tấn. Thành phần chủ yếu bao gồm: thân, rễ cây, cành lá,...

- Chất thải rắn xây dựng: khối lượng đất đào phát sinh khoảng 28.047 tấn, lượng đất đào bề mặt (đất hữu cơ) tái sử dụng cho đắp đất của dự án, các loại chất thải gồm: bao bì vật liệu xây dựng, sắt thép vụn, đá, cát các loại... tổng khối lượng trong giai đoạn xây dựng khoảng 3,6 m³

3.2.2.1. Giai đoạn vận hành:

Phát sinh chất thải thông thường với khối lượng nhỏ không đáng kể trong quá trình duy tu, bảo dưỡng công trình.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô và tính chất của chất thải nguy hại:

3.2.2.1. Giai đoạn xây dựng:

Phát sinh từ hoạt động xây dựng, sửa chữa máy móc, thiết bị xây dựng với khối lượng ước tính khoảng 26 kg/tổng thời gian thi công. Thành phần chủ yếu gồm: dầu mỡ thải, giẻ lau, găng tay dính dầu...

3.2.2.1. Giai đoạn vận hành: không phát sinh

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn xây dựng:

Phát sinh từ hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị tham gia thi công xây dựng trên công trường.

3.3.2. Giai đoạn vận hành: không phát sinh

3.4. Các tác động khác

Không quy hoạch tái định cư do hoạt động giải phóng mặt bằng; tác động do chuyển đổi mục đích sử dụng 1.039,2 m² đất trồng cây hàng năm khác và đất lúa nước còn lại, 13.466,8 m² đất chuyên trồng lúa nước.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

4.1.1.1. Giai đoạn xây dựng:

- Đối với nước thải sinh hoạt: công nhân sử dụng nhà vệ sinh tại nhà dân xung quanh.

- Đối với nước thải xây dựng: bố trí ngăn lắng dung tích 2-3 m³ tại các khu vực đào hố móng để lắng cặn, sau đó tận dụng để tưới ẩm đường, nguyên vật liệu.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành: không có

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

4.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm; che phủ bạt kín đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất dôi dư ...; phương tiện vận tải chuyên chở đúng trọng tải quy định; phun nước giảm bụi, thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

Thực hiện các giải pháp xử lý chất thải rắn xây dựng theo quy định tại Thông tư số 08/2017/BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng về quản lý chất thải rắn xây dựng và Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh về quy định phân công và phân cấp quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Yêu cầu bảo vệ môi trường: thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành: không có.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

4.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Chất thải rắn sinh hoạt: thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy, hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định khi có phát sinh.

Chất thải rắn xây dựng: đối với đất từ quá trình đào được tận dụng san lấp thi công Dự án; đối với các loại có thể tái chế, tái sử dụng như vụn sắt thép, bao bì xi măng, ... được thu gom, tái sử dụng hoặc bán phế liệu; các chất thải rắn thông thường

khác được hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành: không có (chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình duy tu, bảo dưỡng các hạng mục công trình trên tuyến đường được đơn vị quản lý, vận hành thực hiện theo đúng quy định).

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

4.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Thu gom và lưu chứa toàn bộ các loại chất thải nguy hại phát sinh theo quy định và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2.2. Giai đoạn vận hành: không có.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Tất cả các xe vận tải máy móc thiết bị cơ giới đưa vào sử dụng tại khu vực Dự án phải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn môi trường và tiếng ồn, độ rung.

Trên công trường không sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện thi công, thay thế các bộ phận truyền động bị hư hỏng, lắp đặt và bảo trì các thiết bị giảm thanh, đảm bảo đạt tiêu chuẩn về độ ồn theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

4.3.2. Giai đoạn vận hành: không có.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: xây dựng phương án ứng phó với các sự cố, tai nạn lao động; tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị đồ bảo hộ lao động; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn giao thông đường bộ: phân luồng giao thông tại các nút giao thông nối từ công trường với tuyến đường chính của khu vực và tuyến ra cửa khẩu biên giới; lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu, hàng rào cảnh báo và bố trí nhân lực hướng dẫn phân luồng giao thông tại khu vực thi công ban đêm; lắp đặt đầy đủ và định kỳ kiểm tra, bảo trì hệ thống an toàn giao thông trên tuyến theo quy định.

4.4.3. Các công trình, biện pháp khác

- Thường xuyên thu dọn chất thải, vật liệu rơi vãi tại công trường thi công; định kỳ nạo vét rãnh thoát nước tại công trường thi công, dọc tuyến thi công, bảo đảm lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến hoạt động giao thông: xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông công cộng trong quá trình thi công; lắp dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo công khai về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết.

- Giải pháp chống ngập úng: Trên thực tế, khi triển khai thi công, chủ đầu tư và đơn vị thi công sẽ liên hệ với chính quyền địa phương, cụ thể là Ủy ban nhân dân xã trên địa bàn thi công nhằm nắm bắt, cập nhật các vị trí có thể xảy ra ngập úng. Từ đó, đơn vị thi công sẽ phối hợp địa phương thực hiện các hướng tuyến cống thoát nước ngang suốt dọc tuyến, đảm bảo điều kiện thoát nước nước mặt ổn định trong quá trình thi công.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư:

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng:

5.1.1. Nước thải sinh hoạt:

- Giám sát việc sử dụng nhà vệ sinh của công nhân; yêu cầu công nhân sử dụng nhà vệ sinh tại nhà dân xung quanh.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật có liên quan.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành:

Sau khi Dự án đi vào hoạt động, đơn vị thu hưởng trực tiếp quản lý, vận hành, bảo dưỡng các công trình của Dự án, thực hiện các biện pháp giám sát các hạng mục công trình theo quy định gồm: hệ thống thoát nước, hệ thống biển báo tín hiệu,...

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Cam kết tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thi công xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục công trình của Dự án.
- Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.
- Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động.
- Sử dụng nguồn đất đào phát sinh từ quá trình thi công xây dựng phục vụ cho phạm vi Dự án. Lượng đất đào dôi dư (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.
- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.
- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình thi công xây dựng, vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Thực hiện các yêu cầu về phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Tháo dỡ các công trình tạm thời ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng, bãi thải, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh các biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được phê duyệt, chủ Dự án đầu tư có trách nhiệm lập, phê duyệt, niêm yết công khai tiến độ thi công; kế hoạch thi công và thực hiện Dự án để triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát; bố trí cán bộ thường xuyên kiểm tra công tác thi công và công tác bảo vệ môi trường của Dự án do các đơn vị thi công thực hiện./.

